

Số: 04/2025/QĐDS-ST

Ngày: 28-3-2025

V/v: Yêu cầu phân chia tài sản của
người phải thi hành án trong khối tài sản
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trường Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-VDS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu phân chia tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự (xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung)” theo Quyết định mở phiên họp số 38/2023/QĐST-VDS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa:

- *Người yêu cầu:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Minh C – Chấp hành viên chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

- *Người bị yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên yêu cầu xác định phần tài sản của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của bà H với ông Đoàn Thanh T như sau:

Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án dân sự theo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân thị xã Bến Cát (Nay là thành phố B), theo đó, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi suất. Quá trình thi hành án bà H2 không tự nguyện thi hành án mà kéo dài.

Theo hồ sơ cung cấp thông tin số 661/CNBTU-ĐK ngày 03/3/2025 do Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cung cấp cho Toà án thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là

Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 243 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho bà Nguyễn Thị H ngày 10/10/2007;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Đoàn Thanh T ngày 10/10/2007;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 244 tờ bản đồ 22, nguồn gốc do bà Đoàn Thị M1 tặng cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T ngày 04/4/2008.

Như vậy, trường hợp không có thoả thuận khác thì đây là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T.

Tại Thông báo số 379/TB-CCTHADS ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên có ghi:“ Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã xác minh xác định người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị H có tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 243 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho bà Nguyễn Thị H ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Đoàn Thanh T ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 244 tờ bản đồ 22, nguồn gốc do bà Đoàn Thị M1 tặng cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T ngày 04/4/2008”, tại thông báo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã thông báo cho những người được thi hành án gồm bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Thanh T. Như vậy, đối chiếu khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã có thông báo cho chủ sở hữu chung là ông Đoàn Thanh T và bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của họ đối với tài sản chung là vi phạm quyền và lợi ích của họ nhưng đã quá thời hạn yêu cầu mà ông Đoàn Thanh T và bà Nguyễn Thị H không có đơn yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên yêu cầu phân chia phần tài sản của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của bà H với ông Đoàn Thanh T là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thửa đất số 243 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho bà Nguyễn Thị H ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Đoàn Thanh T ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 244 tờ bản đồ 22, nguồn gốc do bà Đoàn Thị M1 tặng cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T ngày 04/4/2008 là có căn cứ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đương sự không cung cấp chứng cứ gì khác nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H có phần tài sản quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung trên là 50%. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt, người bị yêu cầu bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh T vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp theo luật định.

- Về nội dung và căn cứ: Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên có đơn yêu cầu xác định phần tài sản của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của bà H với ông Đoàn Thanh T như sau:

Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án dân sự theo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (Nay là thành phố B), theo đó, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi suất. Quá trình thi hành án bà H2 không tự nguyện thi hành án mà kéo dài.

Theo hồ sơ cung cấp thông tin số 661/CNBTU-ĐK ngày 03/3/2025 do Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cung cấp cho Tòa án thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 243 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho bà Nguyễn Thị H ngày 10/10/2007;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Đoàn Thanh T ngày 10/10/2007;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 244 tờ bản đồ 22, nguồn gốc do bà Đoàn Thị M1 tặng cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T ngày 04/4/2008.

Như vậy, trường hợp không có thoả thuận khác thì đây là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T.

Tại Thông báo số 379/TB-CCTHADS ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên có ghi:....“ Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã xác minh xác định người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị H có tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông

Đoàn Thanh T thừa đất số 243 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho bà Nguyễn Thị H ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22 có nguồn gốc do ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị B tặng cho ông Đoàn Thanh T ngày 10/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 244 tờ bản đồ 22, nguồn gốc do bà Đoàn Thị M1 tặng cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T ngày 04/4/2008”, tại thông báo Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã thông báo cho những người được thi hành án gồm bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Thanh T. Như vậy, đối chiếu khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên đã có thông báo cho chủ sở hữu chung là ông Đoàn Thanh T và bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của họ đối với tài sản chung là vi phạm quyền và lợi ích của họ nhưng đã quá thời hạn yêu cầu mà ông Đoàn Thanh T và bà Nguyễn Thị H không có đơn yêu cầu. Như vậy, việc chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên yêu cầu xác định phần tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của bà H với ông Đoàn Thanh T là có căn cứ.

Trong quá trình tố tụng, các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới. Như vậy, có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị H có tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00751 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 243 tờ bản đồ 22; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 256, 634, 381 tờ bản đồ 22; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00816 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T thừa đất số 244 tờ bản đồ 22 là tài sản chung vợ chồng và quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất mỗi người sẽ là một phần trong tổng số quyền sử dụng đất chung.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

- Về lệ phí: Căn cứ khoản 2 Điều 146, điểm c khoản 4 Điều 363 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp hành viên không phải chịu lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 35, khoản 2 Điều 146, 149, 157, 165, điểm c khoản 4 Điều 363, 367, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 34 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận đơn của ông Phan Minh C - Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên về yêu cầu xác định phần tài sản của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung với ông Đoàn Thanh T.

Xác định bà Nguyễn Thị H có phần tài sản là 50% (Năm mươi phần trăm) gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa 256 tờ bản đồ 22 diện tích 2.056,7m²; thửa 634 tờ bản đồ 22 diện tích 287,3m²; thửa 381 tờ bản đồ 22 diện tích 322m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00750 ngày 13/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T (Nay là Bắc Tân U) cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Thanh T; thửa 380 tờ bản đồ 22 diện tích 186,9m²; thửa 523 tờ bản đồ 22 diện tích 91m²; tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (Có sơ đồ kèm theo).

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phan Minh C – Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được miễn nộp lệ phí.

3. Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

4. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng